

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 15/5/2025.

“V/v Tranh chấp kiện đòi nợ tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thế Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 (Số cũ 23/2024/TLST-DS ngày 28/10/2024) về việc *“Tranh chấp kiện đòi nợ tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chí H, sinh năm 198x.

Địa chỉ: 60 Ngô Sĩ Liên, tổ 8, khối Hòa Thanh, phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn Tr1, sinh năm 198x. Địa chỉ: 60 Ngô Sĩ L, tổ ..., khối H, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (theo Giấy ủy quyền đề ngày 21/8/2024). (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh K, sinh năm 199x. Địa chỉ: Tổ dân phố..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Quốc Cứu Tr2. Địa chỉ: 1/9 Huỳnh Thúc K, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 07/01/2025). (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Văn Tr1, sinh năm 1987. Địa chỉ: 60 Ngô Sĩ Liên, tổ 8, khối Hòa Thanh, phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

+ Ông Trần Văn L, sinh năm 198x. Địa chỉ: 03 N, tổ dân phố ..., thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn Tr1 trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Đinh Văn Tr1 và bà Nguyễn Thị Chí H, từ tháng 7/2022 đến tháng 4/2023, bà Nguyễn Thị Ánh K có vay mượn tiền của vợ chồng ông Trạng bà H để làm ăn buôn bán, bằng hình thức chuyển khoản (07 lần) với tổng số tiền vay là 525.000.000 đồng (*Năm trăm, hai mươi lăm triệu đồng*), không tính tiền lãi, bà K cam kết sẽ trả nợ cho vợ chồng ông Tr1 bà H.

Lần 01: Ngày 18/7/2022: chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Lần 02: Ngày 01/8/2022: chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Lần 03: Ngày 08/11/2022: chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Lần 04: Ngày 20/01/2023: chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và mượn tiền mặt 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Lần 05: Ngày 18/4/2023: chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Lần 06: Ngày 21/4/2023: chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Lần 07: Ngày 25/4/2023: chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Do đã quá thời hạn hứa trả những khoản nợ trên, bà H đã nhiều lần gọi điện và nhắn tin nhưng bà K chần chừ và cố tình né tránh việc trả nợ. Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chí H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ánh K trả luôn một lần cho bà Nguyễn Thị Chí H và ông Đinh Văn Tr1 số tiền gốc còn nợ là 525.000.000 đồng (*Năm trăm, hai mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) chuyển khoản vào ngày 18/7/2022 và khoản mượn tiền mặt 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 20/01/2023.

Yêu cầu bà K trả 460.000.000 đồng (*Bốn trăm, sáu mươi triệu đồng*) và lãi suất chậm trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án. Mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 31/3/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Quốc Cứu Tr2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh K có quen biết với vợ chồng ông Đinh Văn Tr1 và bà Nguyễn Thị Chí H. Vào khoảng cuối năm 2022 và đầu năm 2023, bà K có vay mượn tiền của ông Trạng bà H với tổng số tiền là 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*) (Lần lượt là: 50.000.000 đồng; 20.000.000 đồng; 60.000.000 đồng; 100.000.000 đồng; 50.000.000 đồng) để sinh hoạt gia đình và xây dựng Homestay với ông Trần Văn L (chồng bà K). Ngày 06/3/2023, bà K đã trả cho bà H số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) (Trong đó: 60.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi), còn lại 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*). Hiện nay bà đang làm thủ tục giải quyết ly hôn với ông L nên chưa trả nợ cho ông Tr1 và bà H được, bà K không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Lê (chồng của bị đơn - Bà Nguyễn Thị Ánh K) vắng mặt nhưng tại bản khai ngày 17/02/2025, ông Htrình bày:

Việc bà Nguyễn Thị Ánh K mượn tiền của vợ chồng ông Đinh Văn Tr1 và bà Nguyễn Thị Chí H, ông Hoàn toàn không biết, cũng không có liên quan đến số tiền vay mượn này. Còn việc bà K trình bày dùng tiền để xây dựng Homestay với ông H là không có căn cứ, vì Homestay không phải của ông H mà là của mẹ ông H (Bà Đinh Thị Ph), bà K vay riêng, không sử dụng số tiền này vào sinh hoạt chung của gia đình. Ông H không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu ý kiến:*

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định Điều 234, Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:*

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 203, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466, 469 BLDS năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Chí H và bà Nguyễn Thị Ánh K là “*Tranh chấp kiện đòi nợ tiền*”, bà Nguyễn Thị Ánh K có đăng ký thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Trần Văn L) không có yêu cầu độc lập có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản khai tại hồ sơ vụ án. Xét thấy, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án và công bố bản khai của họ.

[2]. Xét về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chí H cho rằng từ tháng 7/2022 đến tháng 4/2023, vợ chồng ông Trạng bà H có 07 lần chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Ánh K vay mượn với tổng số tiền là 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nguyễn Thị Chí H có cung cấp chứng cứ chứng minh là “Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có” của số tài khoản: 667888xxx, mang tên khách hàng NGUYEN THI CHI H (địa chỉ: 60 Ngô Sĩ L, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank – PGD Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K thừa nhận có việc vay mượn tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chí H. Xét thấy là phù hợp và có giá trị chứng minh việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn với bị đơn là có thật. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là có căn cứ.

Đối chiếu với “Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có” của số tài khoản: 667888xxx, mang tên khách hàng NGUYEN THI CHI H và lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện, thể hiện:

- Ngày 18/7/2022: chuyển khoản **40.000.000 đồng** với nội dung “Trang cho mượn” cho số tài khoản 5104205123xxx (Tên người thụ hưởng: Phạm Doan V) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 01/8/2022: chuyển khoản **100.000.000 đồng** với nội dung “A Trang cho muon” cho số tài khoản 5104205017xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 08/11/2022: chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền **70.000.000 đồng** (Lần 01: 50.000.000 đồng với nội dung “Chi hanh ck cho kieu”; Lần 02: 20.000.000 đồng với nội dung “Chi hanh ck lan 2 tc 70chai”) cho số tài khoản 5104205017xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 20/01/2023: chuyển khoản **50.000.000 đồng** với nội dung “NGUYEN THI CHI HANH chuyen khoan” cho số tài khoản 5104205017xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 18/4/2023: chuyển khoản **60.000.000 đồng** với nội dung “NGUYEN THI CHI HANH chuyen khoan” cho số tài khoản 5104205017xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 21/4/2023: chuyển khoản **100.000.000 đồng** với nội dung “NGUYEN THI CHI HANH chuyen khoan” cho số tài khoản 5104205017xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Ngày 25/4/2023: chuyển khoản **80.000.000 đồng** với nội dung “Chi hanh ck cho chi tap hoa muon” cho số tài khoản 040050289xxx (Tên người thụ hưởng: NGUYEN THI ANH K) – Ngân hàng Sacombank.

Tại bản tự khai của bị đơn (bà Nguyễn Thị Ánh K) và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay mượn tiền của bà H với tổng số tiền là 280.000.000 đồng (Lần lượt là 50.000.000 đồng; 20.000.000 đồng; 60.000.000 đồng; 100.000.000 đồng; 50.000.000 đồng). Đây đều là các lần chuyển khoản từ tài khoản của bà Nguyễn Thị Chí H sang số tài khoản 5104205017xxx – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mang tên người thụ hưởng là Nguyễn Thị Ánh K, tương ứng các ngày 08/11/2022 tổng 02 lần chuyển là 70.000.000 đồng; ngày 18/4/2023 số tiền 60.000.000 đồng; ngày 21/4/2023 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 20/01/2023 số tiền là 50.000.000 đồng. Đây là tình tiết được bị đơn thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, xét thấy lần chuyển khoản vào ngày 25/4/2023 từ tài khoản của bà Nguyễn Thị Chí H sang số tài khoản 040050289xxx - Ngân hàng Sacombank mang tên người thụ hưởng là Nguyễn Thị Ánh K với số tiền 80.000.000 đồng; ngày 01/8/2022 từ tài khoản của bà Nguyễn Thị Chí H có chuyển khoản 100.000.000 đồng qua số tài khoản 5104205017xxx – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mang tên người thụ hưởng là Nguyễn Thị Ánh K cũng thể hiện nội dung bà H chuyển khoản cho bà K vay mượn tiền. Như vậy, bà

Nguyễn Thị Chí H cho bà Nguyễn Thị Ánh K vay mượn tiền là có thật. Số tiền cho vay mượn là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông Đinh Văn Tr1 và bà Nguyễn Thị Chí H. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận 02 lần chuyển khoản vào ngày 25/4/2023 và 01/8/2022 là số tiền gốc mà vợ chồng bà H cho bà K vay.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với khoản tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) chuyển khoản vào ngày 18/7/2022 với nội dung “Trang cho muon” cho số tài khoản 5104205123xxx (Tên người thụ hưởng: Phạm Doan V) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và khoản mượn tiền mặt 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) đưa cho ông H vào ngày 20/01/2023 nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

Bên bị đơn khai: đã trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/3/2023.

Bên nguyên đơn cho rằng số tiền 90.000.000 đồng bà K chuyển khoản trả lãi khoản tiền vay 1,5 tỷ vào năm 2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, tài liệu chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp không đủ cơ sở chứng minh nội dung này.

Theo sổ phụ NHNN&PTNTVN-CN TX An Nhơn - Bình Định (in ngày 15/4/2025) thể hiện ngày 06/3/2023 bà Nguyễn Thị Ánh K có chuyển khoản vào tài khoản 667888xxx tại NH TMCP Quân Đội – (MB) chủ tài khoản là Nguyễn Thị Chí H số tiền 90.000.000 đồng là có thật. Do đó, bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên được chấp nhận.

Qua bản khai, ông Trần Văn L (chồng bà K) và biên bản làm việc với bà Đinh Thị Ph (mẹ chồng bà K) đều trình bày không biết việc bà K vay mượn tiền của bà H, không có việc bà K sử dụng khoản vay vào sinh hoạt gia đình cũng như phục vụ phát triển kinh tế gia đình, đầu tư xây dựng khu Homestay như bị đơn đã trình bày. Đây là khoản vay hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không có căn cứ xác định rõ mục đích vay, cũng không chứng minh được nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không có cơ sở buộc ông H cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với bà K.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc bà Nguyễn Thị Chí H và ông Đinh Văn Tr1 cho bà Nguyễn Thị Ánh K vay là có thật với tổng số tiền gốc là 460.000.000 (*Bốn trăm, sáu mươi triệu đồng*), các bên không có thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất như thế nào nên xác định đây là khoản vay không kỳ hạn và không có lãi. Ngày 06/3/2023, bà Nguyễn Thị Ánh K đã trả 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), còn lại 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 143, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 213, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh K.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút (*Tổng cộng 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), gồm: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chuyển khoản vào ngày 18/7/2022 với nội dung “Trang cho mượn” cho số tài khoản 5104205123326 (Tên người thụ hưởng: Phạm Doan Vinh) – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và khoản mượn tiền mặt 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) đưa cho ông H vào ngày 20/01/2023*).

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh K có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Chí H và ông Đinh Văn Tr1 tổng số tiền gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ánh K phải nộp 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Chí H và ông Đinh Văn Tr1 phải liên đới nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001038 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Chí H số tiền 9.500.000 đồng (*Chín triệu, năm trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xong